

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 28 - 3 - 2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Hồng Sơn
- Bà Nguyễn Thị Di

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký tòa án huyện Long Điền.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Long Điền:*** Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, tổ B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, tổ B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, tại bản khai, nguyên đơn bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với ông B được nữa, vì vậy bà T làm đơn yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về con chung: Bà T và ông B có 02 có con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16-12-2013 và Trần Hoàng H1, sinh ngày 04-9-2018, ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định pháp luật.

\* Bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân ông B và bà T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông B không đồng ý, vì ông B vẫn còn thương yêu vợ con, Ông B1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Điền giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Ông B và bà T có 02 có con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16-12-2013 và Trần Hoàng H1, sinh ngày 04-9-2018, ly hôn Ông B1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H, đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đồng ý để bà T chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định pháp luật.

\* Ý kiến kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

1. Áp dụng pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Áp dụng pháp luật về nội dung: Đề nghị cho ly hôn. Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Bà T yêu cầu ly hôn với ông B, Ông B có địa chỉ cư trú tại huyện L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B được triệu tập đến lần thứ 02 tham gia phiên tòa nhưng không đến, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông B theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng pháp luật về nội dung:

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với ông B được nữa, Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông, bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên quyết định cho ly hôn theo yêu cầu của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16-12-2013 và Trần Hoàng H1, sinh ngày 04-9-2018. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cả 02 cháu đang ở chung với bà T, được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập. Cháu H có nguyện vọng được ở chung với bà T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử:

1.1 Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Phạm Thị T ly hôn với ông Trần Văn B.

1.2. Con chung: Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16-12-2013 và Trần Hoàng H1, sinh ngày 04-9-2018. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0002134 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.lệ.

**- Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trường Mạnh**

